

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2001

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO BIÊN HÒA
SÁO Y BẢN CHÍNH
Ngày 28 / 8 / 01

TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÁNH NHÂN VIÊN



Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 8/2001

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6 - 8
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa đệ trình Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2001.

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hoà (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 01/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ và giấy phép đăng ký kinh doanh số 059167 ngày 16/01/1999 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo giấy phép đăng ký:

- Sản xuất kinh doanh bánh, kẹo, nha.
- Xuất khẩu mặt hàng bánh, kẹo, nha.
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất bánh, kẹo, nha.

Kết quả và phân phối kết quả

Tình hình của Công ty tại ngày 30/06/2001 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 17.

Các sự kiện sau ngày lập Bảng Cân đối kế toán

Vào ngày 06/07/2001 Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa phát hành 210.000 cổ phiếu mệnh giá là 100.000 VNĐ/cổ phiếu và được bán với giá là 270.000 VNĐ/cổ phiếu.

Tổng số tiền thu được của đợt phát hành này là 47.737.620.000 VNĐ và đã được thông qua Hội đồng quản trị ngày 23/06/2001.

Việc tăng vốn này nhằm mục đích đầu tư mới và cải tạo hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng văn phòng theo Quyết định số 1546/QĐ-HĐQT ngày 23/6/2001 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ 6 tháng và đến ngày lập báo cáo tài chính:

Bà Phạm Thị Sum	Chủ tịch
Ông Hoàng Thọ Vinh	Phó Chủ tịch/Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trình	Ủy viên
Ông Trần Văn Lịch	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên
Ông Phan Văn Thiện	Ủy viên/ Phó Giám đốc kinh doanh
Bà Lê Thị Kim Hoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Dũng	Phó Giám đốc sản xuất
Ông Lâm Thanh Trước	Phó Giám đốc nhân sự

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Báo cáo và trách nhiệm của Ban Giám đốc

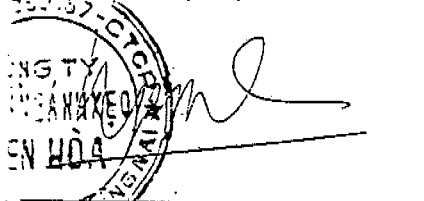
Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ 6 tháng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong các Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



The image shows a handwritten signature in black ink over a circular stamp. The stamp contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KÈO BIÊN HÒA' and 'ĐỒNG NAI' around the perimeter. The signature is written in a cursive style.

Hoàng Thọ Vinh
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 8 năm 2001



Số: 92/VACO.KT.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa

Chúng tôi đã xem xét các thông tin trên báo cáo tài chính cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2001 được trình bày từ trang 4 đến 17 mà Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa có trách nhiệm lập và xét duyệt. Trách nhiệm của chúng tôi là báo cáo dựa trên việc xem xét của chúng tôi.

Việc xem xét của chúng tôi được tiến hành dựa trên các quy định về việc xem xét thông tin tài chính giữa giai đoạn. Việc xem xét bao gồm các thủ tục phân tích các thông tin tài chính được báo cáo, đánh giá xem các chính sách kế toán có được áp dụng một cách nhất quán hay không thông qua các cá nhân chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính và kế toán. Việc xem xét này không bao gồm việc kiểm tra các thủ tục kiểm soát nội bộ cũng như xác nhận các tài sản và công nợ của Công ty và do vậy bị giới hạn về phạm vi thực hiện so với một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán. Do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán đối với thông tin trên báo cáo tài chính cho kỳ 6 tháng.

Trên cơ sở việc xem xét của chúng tôi:

Các thông tin trên báo cáo tài chính cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2001 đã được lập dựa trên các chính sách kế toán được áp dụng một cách nhất quán ngoại trừ việc Công ty thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định so với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2000; và

Chúng tôi nhận thấy không có sửa đổi trọng yếu nào là cần thiết đối với các thông tin trên báo cáo tài chính giữa kỳ đã được trình bày.



Thị Thu Thanh

Đng Giám đốc

Chỉ hng chỉ KTV số: Đ.0022/KTV

ay mặt và đại diện cho

CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2001

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30/06/2001

	Ghi chú	31/12/2000 VND	30/06/2001 VND
TÀI SẢN			
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN			
I. Tiền		81.849.025.535	81.598.063.183
Tiền mặt tại quỹ		8.088.243.082	3.114.346.027
Tiền gửi ngân hàng		2.102.762.063	733.345.627
		5.985.481.019	2.381.000.400
II. Các khoản phải thu		18.431.209.242	28.824.384.310
Phải thu khách hàng	3	12.585.951.030	9.309.757.162
Trả trước cho người bán	4	5.137.039.884	17.477.136.954
Các khoản phải thu khác		852.912.481	2.182.184.347
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(144.694.153)	(144.694.153)
III. Hàng tồn kho		55.173.591.486	44.499.424.621
Hàng đang đi đường		2.089.132.379	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho		30.565.753.285	25.635.891.988
Công cụ, dụng cụ tồn kho		1.119.505.794	1.380.074.605
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		2.635.123.173	1.973.170.298
Thành phẩm tồn kho		18.623.735.342	15.409.569.933
Hàng hóa tồn kho		92.513.800	55.642.062
Hàng gửi đi bán		47.827.713	45.075.735
IV. Tài sản lưu động khác		155.981.725	5.159.908.225
Tạm ứng		117.304.425	151.311.001
Chi phí trả trước		-	236.250.000
Các khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5	38.677.300	4.772.347.224
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH		25.325.549.805	25.287.184.571
I. Tài sản cố định		24.938.907.380	24.899.422.189
Tài sản cố định hữu hình	6	24.707.063.523	24.667.654.562
- Nguyên giá		87.143.731.122	88.360.381.657
- Giá trị hao mòn lũy kế		(62.436.667.599)	(63.692.727.095)
Tài sản cố định vô hình	7	231.843.857	231.767.627
- Nguyên giá		256.080.000	256.080.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.236.143)	(24.312.373)
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		386.642.425	387.762.382
TỔNG TÀI SẢN		107.174.575.340	106.885.247.754

Các ghi chú từ trang 10 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30/06/2001

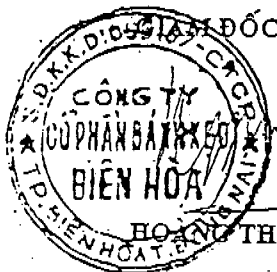
	Ghi chú	31/12/2000 VND	30/06/2001 VND
NỢ PHẢI TRẢ & NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ			
I. Nợ ngắn hạn		74.194.340.197	74.357.142.176
Vay ngắn hạn		71.798.008.736	58.388.247.189
Vay ngắn hạn	8	41.427.136.068	38.762.793.320
Nợ dài hạn đến hạn trả		930.163.990	4.078.740.130
Phải trả người bán	9	25.312.813.625	12.376.593.953
Người mua trả tiền trước		84.737.971	116.650.826
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		663.435.393	152.877.611
Phải trả công nhân viên		1.028.422.612	28.935.040
Các khoản phải trả, phải nộp khác		2.351.299.077	2.871.656.309
II. Nợ dài hạn		-	13.310.640.870
Vay dài hạn	10	-	13.310.640.870
III. Nợ khác		2.396.331.461	2.658.254.117
Chi phí phải trả		1.449.163.961	1.516.086.617
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		947.167.500	1.142.167.500
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Nguồn vốn, quỹ		32.980.235.143	32.528.105.578
Nguồn vốn kinh doanh	11	32.811.088.579	32.466.077.054
Chênh lệch tỷ giá		-	(228.300.907)
Quỹ dự phòng tài chính		1.216.832.956	574.407.344
Lợi nhuận chưa phân phối		344.255.623	179.646.104
II. Quỹ khác		169.146.564	62.028.524
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		169.146.564	62.028.524
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN		107.174.575.340	106.885.247.754

Đồng Nai, ngày 26 tháng 8 năm 2001

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ DUY HÙNG



HỌ TÊN: THỌ VINH

Các ghi chú từ trang 10 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2001

PHẦN I: LÃI, LỖ

	Từ 01/01/2000 đến 31/12/2000 VNĐ	Từ 01/01/2001 đến 30/06/2001 VNĐ
TỔNG DOANH THU	188.221.750.067	80.020.809.671
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	(960.597.846)	(1.550.709.230)
- Chiết khấu	-	-
- Giá trị hàng bán bị trả lại	(960.597.846)	(1.550.709.230)
- Giảm giá hàng bán	-	-
1. DOANH THU THUẦN	187.261.152.221	78.470.100.441
2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	(149.426.342.522)	(57.322.797.240)
3. LỢI NHUẬN GỘP	37.834.809.699	20.947.303.201
4. CHI PHÍ BÁN HÀNG	(17.541.813.507)	(10.786.358.137)
5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	(9.116.705.941)	(7.036.517.847)
6. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	11.176.290.251	3.124.427.217
- Thu nhập hoạt động tài chính	-	-
- Chi phí hoạt động tài chính	(1.857.492.146)	(1.319.533.914)
7. LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(1.857.492.146)	(1.319.533.914)
- Các khoản thu nhập bất thường	615.951.844	180.736.914
- Chi phí bất thường	(389.688.291)	-
8. LỢI NHUẬN BẤT THƯỜNG	226.263.553	180.736.914
9. TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	9.545.061.658	1.985.630.217
10. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP	-	(317.700.835)
11. TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	9.545.061.658	1.667.929.382

Các ghi chú từ trang 10 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2001

PHẦN II : TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu kỳ <u>VNĐ</u>	Số phải nộp trong kỳ <u>VNĐ</u>	Số đã nộp trong kỳ <u>VNĐ</u>	Số phải nộp cuối kỳ <u>VNĐ</u>
Thuế GTGT	(357.056.942)	2.798.064.954	(2.518.414.783)	(77.406.771)
Thuế xuất nhập khẩu	869.772.680	1.327.943.762	(2.059.983.048)	137.733.394
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	317.700.835	(468.720.000)	(151.019.165)
Thuế môn bài	-	850.000	(850.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	150.719.655	92.850.498	-	243.570.153
	<u>663.435.393</u>	<u>4.537.410.049</u>	<u>(5.047.967.831)</u>	<u>152.877.611</u>

Các ghi chú từ trang 10 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

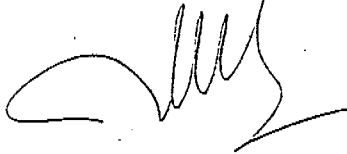
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2001

PHẦN III: THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI, THUẾ GTGT ĐƯỢC MIỄN GIẢM, THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA

	Lũy kế từ 01/01/2000 đến 31/12/2000 VNĐ	Lũy kế từ 01/01/2001 đến 30/06/2001 VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa		
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	(16.835.800)	(357.056.942)
2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	26.198.531.420	10.885.726.124
3. Thuế GTGT đầu ra đã khấu trừ	21.412.411.329	8.087.661.170
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	-	-
5. Thuế GTGT được khấu trừ vào thuế phải nộp	-	-
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách	5.126.341.233	2.518.414.783
7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ	(357.056.942)	(77.406.771)

Đồng Nai, ngày 26 tháng 8 năm 2001

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ DUY HÙNG



LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2001

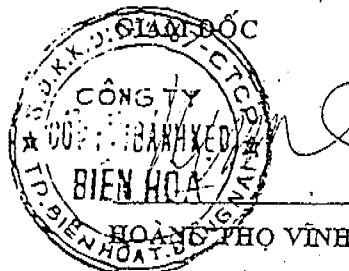
	Từ 01/01/2000 đến 31/12/2000 VNĐ	Từ 01/01/2001 đến 30/06/2001 VNĐ
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	9.545.061.658	1.985.630.217
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Khấu hao tài sản cố định	5.392.784.662	1.256.059.496
Các khoản dự phòng	5.727.760	
Thu nhập tiền lãi		(76.397.067)
Chi phí lãi vay	1.857.492.146	829.926.119
Lỗ do chuyển đổi ngoại tệ	(147.120.797)	(228.300.907)
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	16.653.945.429	3.766.917.858
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	(13.751.425.235)	10.674.166.865
Tăng các khoản phải thu	(8.638.560.419)	(15.556.924.038)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	8.912.576.409	(13.949.773.118)
Chi phí lãi vay	(1.857.492.146)	(829.926.119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	1.319.044.038	(15.895.538.552)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền mua tài sản cố định	(7.328.584.618)	(1.217.694.262)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(7.328.584.618)	(1.217.694.262)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu do đi vay	129.670.478.528	81.253.495.209
Tiền thu từ lãi tiền gửi	30.809.145	76.397.067
Tiền đã trả nợ vay	(111.912.272.403)	(67.458.620.947)
Chi các quỹ	(1.842.936.206)	(481.935.570)
Tiền đã trả lãi cho các nhà đầu tư	(7.203.231.930)	(1.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	8.742.847.134	12.139.335.759
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	2.733.306.554	(4.973.897.055)
Số dư tiền đầu năm	5.354.938.528	8.088.245.082
Số dư tiền cuối năm	8.088.245.082	3.114.346.027

Đồng Nai, ngày 26 tháng 8 năm 2001

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ DUY HÙNG



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Những ghi chú kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Phân xưởng Bánh-Kẹo-Nha của Công ty Đường Biên Hòa trực thuộc Tổng Công ty Mía-Đường II, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 234/1998/QĐ-TTg ngày 01/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy phép đăng ký kinh doanh số 059167 ngày 16/01/1999 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy phép đăng ký:

- Sản xuất kinh doanh bánh, kẹo, nha.
- Xuất khẩu các mặt hàng bánh, kẹo, nha.
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất bánh, kẹo, nha.

Trụ sở của Công ty đặt tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai. Năm 1999 là năm tài chính đầu tiên sau khi thực hiện cổ phần hóa.

Công ty có 3 đơn vị phụ thuộc bao gồm: Chi nhánh Cần Thơ, Chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có Tổng đại lý tại Hà Nội.

Tổng số nhân viên bình quân trong kỳ 6 tháng đầu năm 2001 là 1.140 người.

2. NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

a) Nguyên tắc kế toán

Các Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam được ban hành theo Quyết định 1141/TC/QĐ/CĐKT ngày 01/11/1995 về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp và Quyết định 167/2000/QĐ-BTC ngày 25/10/2000 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp.

Số dư đầu kỳ ngày 1/1/1999 của Bảng cân đối kế toán căn cứ vào Bảng điều chỉnh giá trị tài sản và công nợ bàn giao giữa Công ty đường Biên Hòa và Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa ngày 12/11/1999 và chưa được kiểm toán.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2001 do đó không bao gồm một số các bút toán điều chỉnh cuối năm như lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho...

b) Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày bằng nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định được xác định bằng giá mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử và chi phí khác liên quan (nếu có). Tài sản cố định tại ngày 1/1/1999 được trình bày theo giá trị được ghi nhận trên Biên bản bàn giao giữa Công ty Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa ngày 12/11/1999. Do vậy những tài sản này không được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Những ghi chú kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

b) Tài sản cố định và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của chúng. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC ngày 30/12/1999 của Bộ Tài chính. Trong năm 2001 Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao, cụ thể như sau:

	Số năm sử dụng	
	2000	2001
Thiết bị phân xưởng	5 - 7	12
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 6	20
Dụng cụ đo lường	5 - 6	8
Phương tiện vận tải	6	10
Dụng cụ văn phòng	3 - 5	8

Nếu 6 tháng đầu năm 2001 Công ty áp dụng tỷ lệ khấu hao như năm 2000 thì chi phí khấu hao trong chi phí sản xuất chung sẽ tăng lên là 1.620.752.802 VNĐ.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất của 97m² đất tại Chi Nhánh Đà Nẵng.

c) Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở hóa đơn phát hành dựa trên khối lượng hàng hóa hoặc dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Doanh thu thuần là doanh thu đã trừ đi các khoản giảm trừ như chiết khấu bán hàng, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm: nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và thành phẩm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm. Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc bao gồm giá mua theo hóa đơn, thuế nhập khẩu (nếu có), chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản và các chi phí khác có liên quan. Sản phẩm dở dang được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu.

e) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Giá trị xây dựng dở dang cuối kỳ 6 tháng là giá trị đầu tư mua sắm, lắp đặt thiết bị, máy móc và dây chuyền sản xuất trong thời gian chạy thử. Sau khi nghiệm thu, bàn giao các chi phí xây dựng cơ bản dở dang này sẽ được chuyển thành tài sản cố định.

f) Hạch toán ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ không phải là đồng Việt Nam được qui đổi sang đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được phản trên kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày lập Bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do qui đổi các tài khoản này được hạch toán vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Khi các khoản chênh lệch tỷ giá này được thực hiện, chúng sẽ được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Những ghi chú kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

f) *Hạch toán ngoại tệ (tiếp)*

Lãi từ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình đánh giá các khoản phải thu dài hạn và nợ dài hạn được ghi nhận vào khoản mục "chênh lệch tỷ giá" trong phần vốn chủ sở hữu. Lỗ do chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn và nợ dài hạn và thời điểm cuối năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo hướng dẫn tại Thông tư 44TC/TCĐN do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/07/1997.

g) *Hạch toán chi phí tiền lương*

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2001, Công ty không hạch toán lương của kỳ 2 tháng 6/2001 với số tiền là 773 triệu VNĐ vào chi phí quản lý và chi phí bán hàng.

h) *Nguồn vốn - Quỹ*

Nguồn vốn hoạt động của Công ty bao gồm từ vốn góp cổ phần của các cổ đông và nguồn vốn bổ sung từ lợi nhuận kinh doanh để lại.

Các quỹ được phân phối và sử dụng tuân theo các qui định áp dụng doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo Quyết định của Đại hội cổ đông, cụ thể:

- Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ 15% đến 60% lợi nhuận sau thuế. Quỹ này được sử dụng để tái đầu tư phát triển Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích lập 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ này được lập nhằm hỗ trợ một phần, bù đắp các thiệt hại cho sản xuất kinh doanh trong trường hợp thiên tai, chiến tranh xảy ra.
- Quỹ khen thưởng - phúc lợi: được trích lập từ 5% đến 15% lợi nhuận sau thuế. Quỹ này được sử dụng để chi cho công nhân viên nhân các ngày lễ tết, hoặc khuyến khích các đơn vị, cá nhân có thành tích tốt trong công tác và chi thực hiện phúc lợi cho người lao động.

i) *Thuế*

Công ty được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hai năm và giảm 50% cho 2 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 1999 là năm đầu tiên Công ty chính thức hoạt động và có lãi.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 5% - 10% đối với hàng tiêu thụ trong nước. Các thuế và lệ phí khác, Công ty thực hiện theo qui định hiện hành của Nhà nước.

k) *Dự phòng nợ khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng nợ khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập căn cứ theo Thông tư 64/TC/TCĐN ngày 15/9/1997 của Bộ tài chính. Vào thời điểm cuối năm, các khoản giảm giá hàng tồn kho và phải thu khó đòi sẽ được đánh giá và trích lập lại.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Những ghi chú kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng chủ yếu là phải thu từ các nhà phân phối và các đại lý của Công ty.

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2000	30/06/2001
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Johs Rieckermann	1.587.982.000	14.117.461.100
Công ty Đường Biên Hòa	2.511.311.000	428.708.458
Công ty JJ-Degussa PTE	234.026.740	234.026.740
Công ty SKW Biosystem	-	306.633.349
Công ty South Machinery Equipment	-	317.336.789
Các nhà cung cấp khác	803.720.144	2.072.970.518
	<u>5.137.039.884</u>	<u>17.477.136.954</u>

5. CÁC KHOẢN THẾ CHẤP, KÝ CƯỢC, KÝ QUỸ NGẮN HẠN

Khoản ký quỹ tại Chi nhánh ngân hàng công thương - khu công nghiệp Biên Hòa và Ngân hàng ngoại thương để mua dây chuyền thiết bị sản xuất. Tổng giá trị ký quỹ tại thời điểm 30/6/2001 là 320.231,40 USD.

OHU CHỨ BẢO CÁO TÀI CHÍNH

(Những ghi chú kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	<u>YND</u>	<u>YND</u>	<u>YND</u>	<u>YND</u>	<u>YND</u>
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2001	10.745.367.168	72.359.319.068	2.857.449.080	1.181.595.806	87.143.731.122
Tăng trong kỳ		273.735.939	826.101.282	116.813.314	1.216.650.535
Giảm trong kỳ					
Tại ngày 30/06/2001	10.745.367.168	72.633.055.007	3.683.550.362	1.298.409.120	88.360.381.657
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1/1/2001	(8.677.555.664)	(52.948.789.069)	(434.395.234)	(375.927.632)	(62.436.667.599)
Tăng trong kỳ	(60.846.886)	(984.698.580)	(151.183.004)	(59.331.026)	(1.256.059.496)
Giảm trong kỳ					
Tại ngày 30/06/2001	(8.738.402.550)	(53.933.487.649)	(585.578.238)	(435.258.658)	(63.692.727.095)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1/1/2001	2.067.811.504	19.410.529.999	2.423.053.846	805.668.174	24.707.063.523
Tại ngày 30/06/2001	2.006.964.618	18.699.567.358	3.097.972.124	863.150.462	24.667.654.562

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Những ghi chú kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	31/12/2000 VNĐ	30/06/2001 VNĐ
Nguyên giá	256.080.000	256.080.000
Khấu hao lũy kế	<u>(24.236.143)</u>	<u>(24.312.373)</u>
Giá trị còn lại	<u>231.843.857</u>	<u>231.767.627</u>

8. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2000 VNĐ	30/06/2001 VNĐ
Ngân hàng Công thương Đồng Nai	37.978.112.143	35.236.614.004
Ngân hàng Ngoại thương Đồng Nai	<u>3.449.023.925</u>	<u>3.526.179.316</u>
	<u>41.427.136.068</u>	<u>38.762.793.320</u>

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2000 VNĐ	30/06/2001 VNĐ
Công ty XNK Giấy in và Bao bì Liskin	5.866.857.910	4.625.475.635
Công ty Bao bì và nhựa Tân Tiến	1.619.856.286	1.747.975.154
Công ty Bao bì được	758.533.939	
Công ty Robertet	633.636.101	279.524.555
Công ty JJ-Degussa (S) Pte.	515.538.700	472.509.560
Công ty TNHH Bao bì Kim loại và in trên kim loại	883.068.875	140.209.629
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Khang Thái	580.906.626	101.451.381
Công ty Đường Biên Hoà	600.466.471	88.966.483
Công ty Vedan Việt Nam	525.310.050	164.607.191
Công ty Bao bì và nhựa Thành Phú	392.678.913	142.005.200
Công ty TNHH Bao bì và thương mại Quang Huy	905.594.690	16.917.970
Các khách hàng khác	<u>12.030.365.064</u>	<u>4.596.951.195</u>
	<u>25.312.813.625</u>	<u>12.376.593.953</u>

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Những ghi chú kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

10. VAY DÀI HẠN

Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam - Khu Công nghiệp Biên Hòa theo Hợp đồng tín dụng 12/99/HĐTD ngày 01/12/1999 cho mục đích nhập khẩu dây chuyền thiết bị bánh Snack, Hợp đồng tín dụng 01/2000/HĐTD ngày 20/07/2000 cho mục đích nhập khẩu dây chuyền thiết bị bánh Layer cake và Thông báo hạn mức tín dụng 146/NHCT KCN BH ngày 09/04/2001. Chi tiết các khoản vay như sau:

Hợp đồng tín dụng	12/99/HĐTD	01/2000/HĐTD	146/NHCT KCN BH
Hạn mức tín dụng	USD 195.300	USD 990.000	VNĐ 4.133.387.871
Dư nợ vay tại ngày 1/1 (VNĐ)	930.163.990	-	-
Vay phát sinh trong giai đoạn (VNĐ)	-	4.377.300.000	-
Trả nợ gốc trong giai đoạn (VNĐ)	411.711.930	-	-
Dư nợ vay tại ngày 30/06 (VNĐ)	106.740.130	14.455.410.360	2.827.230.510
Nợ dài hạn đến hạn trả (VNĐ)	106.740.130	3.216.000.000	756.000.000
Số dư vay dài hạn tại ngày 30/06 (VNĐ)	-	11.239.410.360	2.071.230.510
Thời hạn vay	22 tháng	40 tháng	51 tháng
Thời hạn được ân hạn	2 tháng	4 tháng	3 tháng
Tỷ lệ lãi suất	6,5%/ năm	0,60%/ tháng	0,60%/ tháng
Ngày vay	07/12/1999	19/01/2001	04/06/01
Ngày trả nợ gốc	-	01 /11/2001	10/2001
Trả lãi và nợ gốc	Hàng tháng	Hàng tháng	Hàng tháng

11. NGUỒN VỐN KINH DOANH

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là số vốn Điều lệ của các cổ đông hình thành ngay sau khi thành lập Doanh nghiệp và vốn tích lũy để lại từ lợi nhuận.

	31/12/2000 VNĐ	30/06/2001 VNĐ
Vốn điều lệ		
Vốn cổ phần của Nhà Nước	884.400.000	1.115.007.084
Vốn của các cổ đông khác	24.115.600.000	30.385.451.523
	<u>25.000.000.000</u>	<u>31.500.458.607</u>
Vốn tích lũy từ lợi nhuận	6.250.000.000	439.865.906
	<u>31.250.000.000</u>	<u>31.940.324.513</u>

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Những ghi chú kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

12. SỰ KIỆN SAU NGÀY 30/06/2001

Vào ngày 06/07/2001 Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa phát hành 210.000 cổ phiếu mệnh giá là 100.000 VNĐ/cổ phiếu và được bán với giá là 270.000 VNĐ/cổ phiếu.

Tổng số tiền thu được của đợt phát hành này là 47.737.620.000 VNĐ và đã được thông qua Hội đồng quản trị ngày 23/06/2001. Tình hình tăng vốn đến 31/07/2001 là như sau:

	30/06/2001	Tăng	31/07/2001
	VND	VND	VND
Vốn cổ phần của Nhà Nước	1.115.007.084	-	1.115.007.084
Vốn của các cổ đông khác	30.385.451.523	17.680.000.000	48.065.451.523
Vốn tích lũy từ lợi nhuận	439.865.906	-	439.865.906
Vốn khác	-	30.057.020.000	30.057.020.000
	<u>31.940.324.513</u>	<u>47.737.020.000</u>	<u>79.677.344.513</u>

Việc tăng vốn này nhằm mục đích đầu tư mới và cải tạo hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng văn phòng theo Quyết định số 1546/QĐ-HDQT ngày 23/6/2001 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa.